

## ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 6

MÔN: TIẾNG ANH 11 FRIENDS GLOBAL

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

## HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	2. C	3. D	4. B	5. D
6. B	7. D	8. B	9. B	10. D
11. A	12. B	13. A	14. A	15. C
16. C	17. A	18. death	19. difference	20. security
21. B	22. C	23. A	24. D	25. B
26. T	27. F	28. T	29. T	30. DS
36. a day	37. architecture	38. eggs	39. 30 species	40. 1668

31. Blood sugar levels can be controlled if a person follows low-sugar diets.

32. Teenagers' clothes are sometimes considered unsuitable from their parents' viewpoints.

33. Pad Thai is a delicious, stir-fried noodle dish which comes from Thailand.

34. The Plain of Jars in Laos is famous for thousands of old big stone jars.

35. A person that has enough sleep can avoid getting stressed effectively.

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## 1. A

**Kiến thức:** Phát âm /eɪ/ và /æ/**Giải thích:**A. nation /'neɪ.ʃən/B. graduate /'grædʒ.u.ət/C. natural /'nætʃ.ər.əl/D. challenge /'tʃæl.mɪdʒ/

Phần gạch chân của đáp án A phát âm là /eɪ/, phần gạch chân của các đáp án còn lại phát âm là /æ/.

Đáp án: A

## 2. C

**Kiến thức:** Phát âm /u:/ và /ʊ/**Giải thích:**A. rural /'rʊr.əl/B. bully 'bʊl.i/C. consume /kən'sju:m/D. sugar /'fʊg.ər/

Phần gạch chân của đáp án C phát âm là /u:/, phần gạch chân của các đáp án còn lại phát âm là /ʊ/.

Đáp án: C

### 3. D

**Kiến thức:** Phát âm “e”

**Giải thích:**

A. fitness /'fit.nəs/

B. diet /'daɪ.ət/

C. benefit /'ben.ə.fɪt/

D. hectare /'hek.teə/

Phần gạch chân của đáp án D phát âm là /ə/, phần gạch chân của các đáp án còn lại phát âm là /e/.

Đáp án: D

### 4. B

**Kiến thức:** Trọng âm của từ có ba âm tiết

**Giải thích:**

A. privacy /'praɪ.və.sɪ/

B. permission /pə'mɪʃ.ən/

C. scholarship /'skɔː.lə.ʃɪp/

D. reservoir /'rez.ə.vɔːr/

Trọng âm của đáp án B rơi vào âm tiết thứ hai, trọng âm của các đáp án còn lại rơi vào âm tiết thứ nhất.

Đáp án: B

### 5. D

**Kiến thức:** Trọng âm của từ có nhiều âm tiết

**Giải thích:**

A. expectancy /ɪk'spek.tən.sɪ/

B. experience /ɪk'spɪə.ri.əns/

C. sustainable /sə'steɪ.nə.bəl/

D. generation /,dʒen.ə'reɪ.ʃən/

Trọng âm của đáp án D rơi vào âm tiết thứ ba, trọng âm của các đáp án còn lại rơi vào âm tiết thứ hai.

Đáp án: D

### 6. B

**Kiến thức:** Rút gọn mệnh đề quan hệ

**Giải thích:**

Trong chỗ trống là dạng rút gọn bị động của mệnh đề quan hệ, cấu trúc: who/which + be + V3/ed = V3/ed  
mệnh đề cần điền vào chỗ trống là **which was provided** ta rút gọn thành **provided**.

Eating lunch at school is an option **provided** by most state schools.

**Tạm dịch:** Ăn trưa ở trường là một lựa chọn được cung cấp bởi các trường công.

Đáp án: B

### 7. D

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

experiment (n): thí nghiệm

experience (n): trải nghiệm

Cả hai danh từ này đều là danh từ đếm được, nhưng do trước chỗ trống có mạo từ *an* nên ta sẽ điền một danh từ số ít vào chỗ trống.

Studying in Singapore is such an incredible **experience** both academically and culturally.

**Tạm dịch:** Học tập ở Singapore là một trải nghiệm khó tin về cả mặt học thuật và văn hóa.

Đáp án: D

### 8. B

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

demand of sth: nhu cầu về thứ gì đó

We can save our forests by limiting the demand **of** trees, land for agriculture, materials for construction.

**Tạm dịch:** Chúng ta có thể cứu các khu rừng bằng cách hạn chế nhu cầu về cây cối, đất cho nông nghiệp và vật liệu cho công trình.

Đáp án: B

### 9. B

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

“Social media \_\_\_\_\_ in teenager” là một cụm danh từ, ta sẽ điền một danh từ vào chỗ trống. Từ cần điền là *addiction*.

expose sb to sth: đặt ai vào tình thế nguy hiểm/ dễ bị (tai nạn, ...)

Social media addiction in teens can expose them to bullying and increase the disconnection from reality.

**Tạm dịch:** Việc nghiện mạng xã hội ở giới trẻ có thể khiến chúng bị bắt nạt và làm tăng sự mất kết nối với thế giới thực.

Đáp án: B

### 10. D

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

aware of sth: nhận thức về điều gì đó

Parents should be **aware of** child-rearing activities like being a good role model and putting their children's self-esteem for more effective parenting.

**Tạm dịch:** Cha mẹ nên lưu ý trong các hoạt động nuôi dạy con như trở thành một tấm gương tốt và đặt lòng tự trọng của con họ lên trên để nuôi dạy hiệu quả hơn.

Đáp án: D

### 11. A

**Kiến thức:** Cấu trúc so/such ... that và too ... to

**Giải thích:**

Sau chỗ trống thứ nhất là một tính từ, nên ta sẽ điền *so* (nếu sau chỗ trống thứ nhất là một danh từ ta sẽ điền *such*). Sau chỗ trống thứ hai là một mệnh đề nên ta sẽ điền *that* vào chỗ trống.

Younger generation's fashion is **so** trendy **that** their parents find it hard to accept.

**Tạm dịch:** Thời trang của thế hệ trẻ rất chạy theo mốt đến nỗi mà các bậc phụ huynh cảm thấy khó chấp nhận.

Đáp án: A

### 12. B

**Kiến thức:** Mệnh đề quan hệ

**Giải thích:**

reforestation (trồng rừng) là một sự việc, nên ta sẽ điền *which* vào chỗ trống.

Reforestation **which** is the process of replanting trees aims to restore forests and recover natural habitat in destroyed forested areas.

**Tạm dịch:** Trồng rừng là một quá trình trồng lại cây với mục đích khôi phục rừng và hồi phục những môi trường sống tự nhiên bị phá hủy trong các khu rừng.

Đáp án: B

### 13. A

**Kiến thức:** Giới từ

**Giải thích:**

fall by: giảm xuống

In 2021, global energy-related CO<sub>2</sub> emissions fell **by** 5.7%, the highest decline in history.

**Tạm dịch:** Vào năm 2021, lượng khí thải CO<sub>2</sub> toàn cầu liên quan đến năng lượng đã giảm 5,7%, mức giảm cao nhất trong lịch sử.

Đáp án: A

### 14. A

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

on the increase: ngày càng gia tăng

Obesity is on **the increase** in Asian countries with half of children under 5 overweight in 2016, according to WHO.

**Tạm dịch:** Béo phì đang ngày càng gia tăng ở các quốc gia châu Á, với phân nửa số trẻ em dưới 5 tuổi béo phì vào năm 2016, theo WHO.

**15. C**

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

- A. behavior (n): hành vi
- B. influence (n): ảnh hưởng
- C. permission (n): sự cho phép
- D. privacy (n): sự riêng tư

Children should ask their parents for **permission** to attend international summer camps.

**Tạm dịch:** Các em phải xin phép sự đồng ý của bố mẹ để được tham dự trại hè quốc tế.

Đáp án: C

**16. C**

**Kiến thức:** Kỹ năng giao tiếp

**Giải thích:**

**Jane:** Cậu đạt được số điểm rất cao. Cậu làm như thế nào thế? – **Alison:** \_\_\_\_\_.

- A. Điều đó thật dễ dàng với mọi người
- B. Mình bắt đầu ăn uống lành mạnh hơn.
- C. Mình chắc cậu cũng có thể làm được.
- D. Đúng rồi, mình nghĩ thế.

Đáp án: C

**17. A**

**Kiến thức:** Kỹ năng giao tiếp

**Giải thích:**

Câu B, C bị sai ngữ pháp. Phải là *No, it isn't* và *Yes, it is*. Câu D không hợp với ngữ cảnh.

**Son:** Dad, my new hair style is really stylish, isn't it? – **Dad:** Yes, it is.

**Tạm dịch:** Bố à, kiểu tóc mới của con trông rất sành điệu phải không? – **Bố:** Đúng thế.

Đáp án: A

**18. death**

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

Trước chỗ trống là một tính từ nên ta điền một danh từ vào chỗ trống.

die (v): chết

death (n): sự chết chóc

Being a non-smoker and following a healthy diet will reduce your risk of early **death**.

**Tạm dịch:** Không hút thuốc và tuân theo một chế độ ăn lành mạnh sẽ làm giảm nguy cơ tử vong sớm.

Đáp án: death

### 19. difference

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

Trước chỗ trống là một mạo từ nên ta điền một danh từ vào chỗ trống.

differ (v): làm khác đi

difference (n): sự khác biệt

Generation gap is a **difference** in values and attitudes between one generation and another.

**Tạm dịch:** Khoảng cách thế hệ là sự khác biệt trong giá trị và thái độ giữa một thế hệ với các thế hệ khác.

Đáp án: difference

### 20. security

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

Trước chỗ trống là một mạo từ nên ta điền một danh từ vào chỗ trống.

secure (adj): an toàn

security (n): an ninh

The **security** of the cultural heritage should be discussed carefully.

**Tạm dịch:** Việc bảo vệ các di sản văn hóa cần được thảo luận kỹ càng.

Đáp án: security

### 21. B

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

Trước chỗ trống là một tính từ vậy ra cần điền danh từ vào chỗ trống.

develop (v): phát triển

development (n): sự phát triển

developed (Ved)

developing (V-ing)

Education is a top priority to the sustainable **development** of ASEAN countries because it has a strong impact on the lives of ASEAN peoples.

**Tạm dịch:** Giáo dục là một mối quan tâm hàng đầu đến sự phát triển bền vững của các quốc gia ASEAN vì nó có một ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống của người dân ASEAN.

Đáp án: B

### 22. C

**Kiến thức:** Dạng của động từ

**Giải thích:**

by + Ving: bằng cách làm việc gì đấy

promote (v): thúc đẩy

promotion (n): sự thúc đẩy/ khuyến mãi

ASEAN supports global and regional commitments in education by **promoting** lifelong learning based on the principles of equity, inclusion and quality.

**Tạm dịch:** ASEAN thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực trong giáo dục bằng cách thúc đẩy việc học tập suốt đời dựa trên các nguyên tắc công bằng, hòa nhập và chất lượng.

Đáp án: C

### 23. A

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

Trước chỗ trống là một mạo từ vậy ra cần điền danh từ vào chỗ trống.

importance (n): sự quan trọng

import (n, v): nhập khẩu

important (adj): quan trọng

It also emphasizes the **importance** of the latest teaching methods and strategies for teachers and vocational trainers.

**Tạm dịch:** Nó cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các phương pháp và cách thức giảng dạy mới nhất cho các giáo viên và những người dạy nghề.

Đáp án: A

### 24. D

**Kiến thức:** Từ loại

**Giải thích:**

Trước chỗ trống là một mạo từ, sau chỗ trống là một danh từ vậy ra cần điền tính từ vào chỗ trống.

educational (adj): thuộc về giáo dục

education (n): sự giáo dục

educator (n): nhà giáo dục

educate (v): giáo dục

For example, in 2021, ASEAN reported that Covid-related school closures influenced the **educational** quality for more than 150 million children across its member nations.

**Tạm dịch:** Ví dụ trong năm 2021, ASEAN đã báo cáo việc đóng cửa trường học do Covid đã gây ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục cho hơn 150 triệu trẻ em trong các nước thành viên.

Đáp án: D

### 25. B

**Kiến thức:** Từ vựng

**Giải thích:**

A. agreement (n): sự chấp thuận

- B. opportunity (n): cơ hội
- C. schedule (n): lịch trình
- D. improvement (n): sự cải thiện.

ASEAN hope their efforts in education will help ASEAN's people become well-prepared and ready to face an ever-changing future with better work **opportunities**.

**Tạm dịch:** ASEAN mong rằng với những nỗ lực của họ trong giáo dục sẽ giúp người dân ASEAN có sự chuẩn bị tốt và sẵn sàng để đối mặt với tương lai luôn thay đổi với những cơ hội việc làm tốt hơn.

Đáp án: B

### Bài đọc hoàn chỉnh:

#### EDUCATION POLICY IN ASEAN.

Education is a top priority to the sustainable **development** of ASEAN countries because it has a strong impact on the lives of ASEAN peoples. This is the core commitment among all governments in ASEAN region despite their differences in their politics, ideologies, historical backgrounds and cultures. ASEAN supports global and regional commitments in education by **promoting** lifelong learning based on the principles of equity, inclusion and quality. ASEAN's work in education highlights the support for leaner transition to the workforce through internship opportunities, higher education scholarships and responsive skill development. It also emphasizes the **importance** of the latest teaching methods and strategies for teachers and vocational trainers. In addition, it pays more attention to help out-of-school children and youth and resilient schools especially after the influence of Covid-19 pandemic. For example, in 2021, ASEAN reported that Covid-related school closures influenced the **educational** quality for more than 150 million children across its member nations. Therefore, addressing learning loss for younger students, vulnerable students in terms of their mental health and well-being is prioritized in ASEAN to ensure effective learning. ASEAN hope their efforts in education will help ASEAN's people become well-prepared and ready to face an ever-changing future with better work **opportunities**.

### Tạm dịch:

#### CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC TRONG ASEAN

Giáo dục là một mối quan tâm hàng đầu đến sự phát triển bền vững của các quốc gia ASEAN vì nó có một ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống của người dân ASEAN. Đây là cam kết trọng tâm giữa các chính phủ trong khu vực ASEAN bất kể sự khác nhau giữa chính trị, tư tưởng, bối cảnh lịch sử và văn hóa. ASEAN thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực trong giáo dục bằng cách thúc đẩy việc học tập suốt đời dựa trên các nguyên tắc công bằng, hòa nhập và chất lượng. Công việc của ASEAN trong lĩnh vực giáo dục là làm nhấn mạnh sự hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang lực lượng lao động dễ dàng hơn thông qua các cơ hội thực tập, học bổng đại học và phát triển đáp ứng các kỹ năng. Nó cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các phương pháp và cách thức giảng dạy mới nhất cho các giáo viên và những người dạy nghề. Thêm vào đó, nó cũng chú tâm hơn cho việc giúp đỡ những trẻ em bỏ học và những trường học kiên cường đặc biệt là sau ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Ví dụ trong năm 2021, ASEAN đã báo cáo việc đóng cửa trường học do Covid đã gây ảnh hưởng



đến chất lượng giáo dục cho hơn 150 triệu trẻ em trong các nước thành viên. Vậy nên việc giải quyết vấn đề thiếu hụt kiến thức cho các học sinh nhỏ tuổi và những học sinh dễ bị tổn thương về mặt tâm lý và thể chất được ưu tiên ở ASEAN để đảm bảo việc học tập hiệu quả. ASEAN mong rằng với những nỗ lực của họ trong giáo dục sẽ giúp người dân ASEAN có sự chuẩn bị tốt và sẵn sàng để đối mặt với tương lai luôn thay đổi với những cơ hội việc làm tốt hơn.

### BRINGING THE GENERATION GAP

A generation gap, an endless social phenomenon, is defined as the different behaviors and worldviews held by members of two or more than two generations. Specifically, the gaps could include the differences in thoughts and actions related to education, love, politics and values between younger generations and older ones. This is happening more seriously between parents and their children because of the rapid social development with a lot of changes in habits, morality, culture, mannerism and technology. For example, the world today is getting more and more advanced, most parents do not even know many of the modern gadgets and equipment their children use in their daily life. As a result, most families now face many kinds of tension between parents and teenagers like homework, boundaries and trust. Therefore, to bridge the generation gap between parents and their children, both generations have to change their mindset and develop more understanding and acceptance to each other. Parents need to spend time communicating with their kids regularly to listen to their daily life and help them deal with their problems. When parents and kids have calm and open dialogues, they will understand each other more and get a better relationship. Parents should keep up with the current trends of technology, music, clothes and social sites so that they can adapt quickly, understand their children's lifestyles and can help them make wise choices. Finally, parents should learn to accept what their children's hobbies when possible and make less comparison. This will make children closer to parents and vice versa and make that generation gap a little smaller.

#### **Bài dịch:**

#### *THU HẸP KHOẢNG CÁCH THẾ HỆ*

*Khoảng cách thế hệ, một hiện tượng xã hội không bao giờ kết thúc, được định nghĩa là những hành vi và thế giới quan khác nhau của các thành viên thuộc hai hay nhiều thế hệ. Cụ thể, những khoảng cách này có thể bao gồm sự khác biệt trong suy nghĩ và hành động liên quan đến giáo dục, tình yêu, chính trị và những giá trị giữa thế hệ trẻ và thế hệ lớn hơn. Điều này đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng giữa cha mẹ và con cái vì xã hội phát triển nhanh chóng với nhiều thay đổi về thói quen, đạo đức, văn hóa, phong cách và công nghệ. Ví dụ, ngày nay thế giới càng ngày càng phát triển, hầu hết các bậc phụ huynh thậm chí còn không biết nhiều về những tiện ích và thiết bị hiện đại con mình sử dụng trong đời sống hằng ngày. Kết quả là, hầu hết các gia đình hiện nay phải đối mặt với nhiều loại căng thẳng giữa cha mẹ và các thiếu niên như bài tập về nhà, ranh giới và sự tin tưởng. Vậy nên, để thu hẹp khoảng cách giữa cha mẹ và con cái, cả hai thế hệ cần phải thay đổi tư duy và thấu hiểu lẫn nhau và chấp nhận nhau nhiều hơn. Các bậc phụ huynh cần dành thời gian trao đổi thường xuyên cùng con cái, lắng nghe cuộc sống hằng ngày của chúng và giúp chúng giải quyết các vấn đề. Khi mà cha mẹ và con trẻ đối thoại một cách bình tĩnh và cởi mở, họ sẽ hiểu nhau hơn và có một mối quan hệ*

tốt đẹp hơn. Cha mẹ nên theo kịp các xu hướng công nghệ, âm nhạc, thời trang và mạng xã hội để có thể thích nghi nhanh chóng, hiểu lối sống của con trẻ và có thể giúp các con đưa ra những lựa chọn sáng suốt. Cuối cùng, cha mẹ nên học cách chấp nhận những sở thích của con mình khi có thể và ít so sánh hơn. Điều này sẽ giúp con cái gần gũi với cha mẹ hơn và ngược lại khiến khoảng cách thế hệ được thu hẹp lại hơn một chút.

## 26. T

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Generation gap is the differences in thinking and acting between two or more generations.

(Khoảng cách thế hệ là sự khác biệt trong suy nghĩ và hành động giữa hai hay nhiều thế hệ.)

**Thông tin:** A generation gap, an endless social phenomenon, is defined as the different behaviors and worldviews held by members of two or more than two generations.

**Tạm dịch:** Khoảng cách thế hệ, một hiện tượng xã hội không bao giờ kết thúc, được định nghĩa là những hành vi và thế giới quan khác nhau của các thành viên thuộc hai hay nhiều thế hệ.

Đáp án: T

## 27. F

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

The quick development of the modern society has made the relationships between parents and children easier.

(Sự phát triển nhanh chóng của xã hội hiện đại đã làm những mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trở nên dễ dàng hơn.)

**Thông tin:** This is happening more seriously between parents and their children because of the rapid social development with a lot of changes in habits, morality, culture, mannerism and technology.

**Tạm dịch:** Điều này đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng giữa cha mẹ và con cái vì xã hội phát triển nhanh chóng với nhiều thay đổi về thói quen, đạo đức, văn hóa, phong cách và công nghệ.

Đáp án: F

## 28. T

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

It is necessary for both young and old generations to change their mindset to reduce the misunderstanding between each other.

(Cả thế hệ trẻ và người lớn cần phải thay đổi tư duy để giảm sự hiểu lầm nhau.)

**Thông tin:** Therefore, to bridge the generation gap between parents and their children, both generations have to change their mindset and develop more understanding and acceptance to each other.

**Tạm dịch:** Vậy nên, để thu hẹp khoảng cách giữa cha mẹ và con cái, cả hai thế hệ cần phải thay đổi tư duy và thấu hiểu lẫn nhau và chấp nhận nhau nhiều hơn.

Đáp án: T

### 29. T

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Spending time with children is vital to help parents understand their kids more.

*(Dành thời gian cho trẻ là cần thiết để giúp cha mẹ hiểu con cái mình hơn.)*

**Thông tin:** Parents need to spend time communicating with their kids regularly to listen to their daily life and help them deal with their problems. When parents and kids have calm and open dialogues, they will understand each other more and get a better relationship.

**Tạm dịch:** Các bậc phụ huynh cần dành thời gian trao đổi thường xuyên cùng con cái, lắng nghe cuộc sống hàng ngày của chúng và giúp chúng giải quyết các vấn đề. Khi mà cha mẹ và con trẻ đối thoại một cách bình tĩnh và cởi mở, họ sẽ hiểu nhau hơn và có một mối quan hệ tốt đẹp hơn.

Đáp án: T

### 30. DS

**Kiến thức:** Đọc hiểu

**Giải thích:**

Updating the latest technology is very important for the young generation.

*(Cập nhật những công nghệ mới nhất rất quan trọng với giới trẻ.)*

**Thông tin:** Parents should keep up with the current trends of technology, music, clothes and social sites so that they can adapt quickly, understand their children's lifestyles and can help them make wise choices.

**Tạm dịch:** Cha mẹ nên theo kịp các xu hướng công nghệ, âm nhạc, thời trang và mạng xã hội để có thể thích nghi nhanh chóng, hiểu lối sống của con trẻ và có thể giúp các con đưa ra những lựa chọn sáng suốt.

Đáp án: DS

### 31.

**Kiến thức:** Câu điều kiện loại 1

**Giải thích:** Cấu trúc  $S_1 + \text{will/can/may/might...} + V_0$  if  $S_2 + V_s\text{-es} + \dots$

**Đáp án:** Blood sugar levels can be controlled if a person follows low-sugar diets.

**Tạm dịch:** Mức đường huyết có thể được kiểm soát nếu một người tuân theo chế độ ăn ít bột đường.

### 32.

**Kiến thức:** Câu bị động ở thì hiện tại đơn

**Giải thích:** Cấu trúc  $S + \text{am/is/are} + V_3/\text{ed} + \dots$

**Đáp án:** Teenagers' clothes are sometimes considered unsuitable from their parents' viewpoints.

**Tạm dịch:** Quần áo của thiếu niên đôi khi bị coi là không phù hợp theo quan điểm của các bậc phụ huynh.

### 33.

**Kiến thức:** Mệnh đề quan hệ

**Giải thích:** Mệnh đề quan hệ với which:  $\dots N (\text{thing}) + \text{Which} + V + O$ .

**Đáp án:** Pad Thai is a delicious stir-fried noodle dish which comes from Thailand.

**Tạm dịch:** Pad Thái là một món mì xào ngon miệng có nguồn gốc từ Thái Lan.

34.

**Kiến thức:** Sắp xếp câu

**Giải thích:** famous for sth: nổi tiếng với điều gì đó.

**Đáp án:** The Plain of Jars in Laos is famous for thousands of old big stone jars.

**Tạm dịch:** Cánh đồng Chum ở Lào nổi tiếng với hàng ngàn chum đá cổ lớn.

35.

**Kiến thức:** Mệnh đề quan hệ

**Giải thích:** Mệnh đề quan hệ với that: ....N (thing) + that + V + O.

**Đáp án:** A person that has enough sleep can avoid getting stressed effectively.

**Tạm dịch:** Một người ngủ đủ giấc có thể tránh bị căng thẳng hiệu quả.

**Bài nghe:**

Hello everyone, I'm Nam, your tour guide in the one-day trip around Quy Nhon by bus. Quy Nhon City is small, but it is getting much attention from both local and foreign travelers. So, you are right to choose it to experience the beauty of nature, Cham architecture together with the local culture and history. So let me tell you about some of the excursions on our trip. We will start at Ghenh Rang Hill first to visit Hoang Hau beach full of many smooth stones that look like eggs. Then, we will depart to the Thi Nai Lagoon to go bird watching in Con Chim, a famous bird hillock with over 30 species of birds. In the afternoon, we will visit Canh Tien Tower in Do Ban Citadel, in Nhon Hau commune, An Nhon district which is about 27 km Northwest of Quy Nhon. Canh Tien tower was built in the 12th century and called Canh Tien as it looks like two wings of a fairy flying up to the sky. The tower represents the typical Cham architectural style in Binh Dinh with a square base 20 metres high and sandstone roofs. Finally, Thap Thap Pagoda is our last destination of the day. Located about 2,5 km from Canh Tien Tower, Thap Thap Pagoda was a beautiful structure built in 1668. You can also enjoy martial arts performances by monks there. I'm sure you'll all have a great time with the trip.

**Tạm dịch:**

*Xin chào mọi người, tôi là Nam, hướng dẫn viên du lịch trong chuyến đi một ngày vòng quanh Quy Nhon bằng xe buýt của các bạn. Thành phố Quy Nhon tuy nhỏ, nhưng nó đang được chú ý nhiều hơn từ cả các du khách trong nước và quốc tế. Nên bạn đã đúng khi lựa chọn nơi đây để trải nghiệm vẻ đẹp thiên nhiên, kiến trúc Chăm cùng với những văn hóa địa phương và lịch sử. Vậy để tôi sẽ giới thiệu cho bạn vài điểm thăm quan trong chuyến đi của chúng ta. Đầu tiên, chúng ta sẽ xuất phát ở đồi Ghềnh Ráng để đến bãi tắm Hoàng Hậu, nơi mà có rất nhiều viên đá trơn nhẵn như những quả trứng. Sau đó chúng ta sẽ đến Đầm Thị Nại để ngắm chim ở Côn Chim, một gò đất nổi tiếng với hơn 30 loài chim. Vào buổi chiều, chúng ta sẽ ghé thăm tháp Cánh Tiên ở thành Đồ Bàn, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, khoảng 27 km về phía đông bắc của Quy Nhon. Tháp Cánh Tiên được xây dựng vào thế kỉ 12 và được gọi là Cánh Tiên vì nó giống như hai cánh của một*

nàng tiên đang bay lên trời. Ngọn tháp này đại diện cho phong cách kiến trúc điển hình của người Chăm ở Bình Định với một nền vuông 20 mét và mái làm bằng đá sa thạch. Cuối cùng, chùa Thập Tháp là điểm dừng chân cuối cùng của ngày hôm nay. Tọa lạc ở khoảng 2,5 km từ tháp Cánh Tiên, chùa Thập Tháp là một kiến trúc tuyệt đẹp được xây dựng vào năm 1668. Bạn có thể thưởng thức những màn biểu diễn võ thuật của các nhà sư. Tôi chắc chắn các bạn đều sẽ có một khoảng thời gian tuyệt vời với chuyến đi này.

### 36. a day/ one day/ 1 day

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

The length of the trip is (36) \_\_\_\_\_

(Độ dài của chuyến đi là \_\_\_\_\_.)

one day: 1 ngày

**Thông tin:** Hello everyone, I'm Nam, your tour guide in the one-day trip around Quy Nhon by bus.

**Tạm dịch:** Xin chào mọi người, tôi là Nam, hướng dẫn viên du lịch trong chuyến đi một ngày vòng quanh Quy Nhon bằng xe buýt của các bạn.

Đáp án: a day/ one day/ 1 day

### 37. architecture

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

(Quy Nhon City is famous for its nature, Chăm (37) \_\_\_\_\_ as well as the local culture and history.)

(Thành phố Quy Nhon nổi tiếng với thiên nhiên, \_\_\_\_\_ của người Chăm cũng như văn hóa và lịch sử.)

architecture (n): kiến trúc

**Thông tin:** So, you are right to choose it to experience the beauty of nature, Cham architecture together with the local culture and history.

**Tạm dịch:** Nên bạn đã đúng khi lựa chọn nơi đây để trải nghiệm vẻ đẹp thiên nhiên, kiến trúc Chăm cùng với những văn hóa địa phương và lịch sử.

Đáp án: architecture

### 38. eggs

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

On Hoàng Hậu Beach, there are lots of smooth and round stones shaped like (38) \_\_\_\_\_

(Ở bãi tắm Hoàng Hậu, có rất nhiều hòn đá tròn và nhẵn giống như \_\_\_\_\_.)

eggs (n): những quả trứng

**Thông tin:** We will start at Ghenh Rang Hill first to visit Hoang Hau beach full of many smooth stones that look like eggs.

**Tạm dịch:** Đầu tiên, chúng ta sẽ xuất phát ở đồi Ghềnh Ráng để đến bãi tắm Hoàng Hậu, nơi mà có rất nhiều viên đá trơn nhẵn như những quả trứng.

Đáp án: eggs

### 39. 30 species/ thirty speicies

**Kiến thức:** Nghe hiểu

**Giải thích:**

In Thi Nai Lagoon, tourists can see more than (39) \_\_\_\_\_ of birds.

(Ở Đầm Thị Nại, du khách có thể thấy hơn \_\_\_\_\_ chim.)

30 spcieces: 30 loài

**Thông tin:** Then, we will depart to the Thi Nai Lagoon to go bird watching in Con Chim, a famous bird hillock with over 30 species of birds.

**Tạm dịch:** Sau đó chúng ta sẽ đến Đầm Thị Nại để ngắm chim ở Cồn Chim, một gò đất nổi tiếng với hơn 30 loài chim.

Đáp án: 30 species/ thirty species

### 40. 1668

**Kiến thức:** Kỹ năng nghe hiểu

**Giải thích:**

Thập Tháp Pagoda was built in (40) \_\_\_\_\_

(Chùa Thập Tháp được xây dựng vào năm \_\_\_\_\_.)

**Thông tin:** Located about 2,5 km from Canh Tien Tower, Thap Thap Pagoda was a beautiful structure built in 1668.

**Tạm dịch:** Tọa lạc ở khoảng 2,5 km từ tháp Cảnh Tiên, chùa Thập Tháp là một kiến trúc tuyệt đẹp được xây dựng vào năm 1668.

Đáp án: 1668

